TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA** Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST Ngày : 28/3/2024 V/v "Ly hôn với một người đã bị tuyên bố mất tích"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Bà **Đinh Thị Cam**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thư Thư** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1103/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/XXST-HNGĐ ngày 22/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Huyền T – sinh năm 1983;
ĐKHKTT: 34/2/16 Nguyễn Thiện T1, T, N, Khánh Hòa. Bà T vắng mặt

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1982;
ĐKHKTT: Tổ 14 Đường Đ, V, N, Khánh Hòa. Ông T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo như đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Huyền T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Quá trình chung sống với nhau, ông T2 nhiều lần gây nợ nần vì đánh bạc và tự ý bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay không có tin tức gì. Bà đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố ông T2 mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã có quyết định sơ thẩm về việc tuyên bố ông Nguyễn Văn T2 mất tích vào năm 2020. Nay vì để ổn định cuộc sống, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Quang M – sinh ngày: 30/9/2013. Hiện tại cháu đang sống với bà nên bà muốn tiếp tục được trực tiếp

nuôi con, và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung không có.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn T2* đã bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2020/QĐST-VDS ngày 07/9/2020. Kể từ khi Tòa án tuyên bố ông T2 mất tích vào ngày 07/9/2020 cho đến nay, ông T2 không trở về địa phương. Tòa án đã thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa ông T2 vẫn vắng mặt. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn, Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Huyền T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 207; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]Về quan hệ hôn nhân:Bà Trần Huyền T và ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013 tại UBND phường T, thành phố N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 10/5/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian sau khi kết hôn, ông T2 thường xuyên cờ bạc gây nên nợ nần và sau đó tự ý bỏ nhà đi từ năm 2014. Vì thời gian quá lâu không tin tức nên vào năm 2020 bà T làm đơn yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Văn T2 mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 11/2020/QĐST-VDS ngày 07/9/2020 đối với ông T2 và từ đó đến nay ông T2 không trở về địa phương, điều này thể hiện mục đích hôn nhân của bà T và ông T2 không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà T và ông T2 có một con chung là cháu Nguyễn Trần Quang M, sinh ngày 30/9/2013. Xét thấy, hiện cháu M đang sống với mẹ và ông T2 đang bị Tòa án tuyên bố mất tích nên để đảm bảo cho việc chăm sóc cũng như phát triển toàn diện của cháu M nên cần tiếp tục giao cháu cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc là thỏa đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Huyền T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết và xác định không có nợ chung.

[6] Án phí: Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn bà Trần Huyền T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Huyền T ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Quang M – sinh ngày 30/9/2013 cho bà Trần Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau khi ly hôn.

Ông Nguyễn Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung không có.

4. Án phí: Bà Trần Huyền T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000314 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Nha Trang
- Các đương sự
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Cát Hoàng Trân